

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2136 /QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 10 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính thuộc
ngành Kế hoạch và Đầu tư áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang tại Tờ trình số 70/TTr-SKHĐT ngày 03/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc ngành Kế hoạch và Đầu tư áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Quyết định này thay thế các quyết định: Quyết định số 255/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc công bố danh mục thủ tục hành chính Ngành Kế hoạch và Đầu tư áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 2518/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; sửa đổi, bổ sung; bãi bỏ/hủy bỏ thuộc Ngành Kế hoạch và Đầu tư áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 2837/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/hủy bỏ lĩnh vực vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư áp dụng trên địa



bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đấu thầu và lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc Ngành Kế hoạch và Đầu tư áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 1403/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ lĩnh vực thành lập và hoạt động của Liên minh Hợp tác xã và Hợp tác xã, lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc Ngành Kế hoạch và Đầu tư áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 997/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ƯQ*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Công Dịch vụ công tỉnh Kiên Giang;
- LĐVP, TTPVHCC;
- Lưu: VT, phmanh.

KT, CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chín

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA THUỘC NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2136 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|--|--|--|---|--|--|
| I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (77 TTHC) | | | | | |
| Mục 1. Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (63 TTHC) | | | | | |
| 1 | Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | <ul style="list-style-type: none"> - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN 100.000đ), - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 11/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|--|---|--|---|
| | | | | | ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT. - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp |
| 2 | Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN 100.000đ) - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 3 | Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN 100.000đ) - Miễn lệ phí đối với | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; |

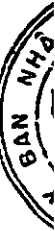
| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|--|---|--|---|
| | | | | trường hợp đăng ký qua mạng điện tử | - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 4 | Đăng ký thành lập công ty cổ phần | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | <ul style="list-style-type: none"> - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN 100.000đ) - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 5 | Đăng ký thành lập công ty hợp danh | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | <ul style="list-style-type: none"> - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN 100.000đ) - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 6 | Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | <ul style="list-style-type: none"> - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN 100.000đ) | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|--|---|--|---|
| | ty cổ phần, công ty hợp danh) | | | - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử | - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 7 | Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN 100.000đ) - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 8 | Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN 100.000đ) - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 9 | Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|--|---|--|---|
| | công ty cổ phần | | Kiên Giang | 100.000đ) - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử | - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 10 | Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN 100.000đ) - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 11 | Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN 100.000đ) - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 12 | Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận | Trung tâm Phục vụ hành chính | - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; |

KIÊN GIANG

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|--|---|--|---|
| | thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức | đủ hồ sơ hợp lệ. | công tỉnh Kiên Giang | bổ thông tin, ĐKDN 100.000đ) - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử | - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 13 | Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bổ thông tin, ĐKDN 100.000đ) - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 14 | Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bổ thông tin, ĐKDN 100.000đ) - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 15 | Đăng ký thay đổi chủ | Trong thời hạn 03 ngày | Trung tâm | - 150.000 đồng/lần | - Luật Doanh nghiệp; |



| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|--|---|--|---|
| | sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên | làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN 100.000đ) - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử | - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 16 | Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN 100.000đ) - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 17 | Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN 100.000đ) | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|--|---|--|---|
| | phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác | | | - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử | - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 18 | Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN 100.000đ) - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 19 | Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN 100.000đ) - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 20 | Thông báo bổ sung, | Trong thời hạn 03 ngày | Trung tâm | - 150.000 đồng/lần | - Luật Doanh nghiệp; |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|--|---|---|---|
| | thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) | làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN 100.000đ) - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử | - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 21 | Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN 100.000đ) - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 22 | Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN 100.000đ) - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|--|---|--|---|
| 23 | Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | <ul style="list-style-type: none"> - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN 100.000đ) - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 24 | Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | <ul style="list-style-type: none"> - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN 100.000đ) - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 25 | Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | 100.000 đồng, nộp tại thời điểm đề nghị công bố. | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|--|---|---|---|
| | ty cổ phần, công ty hợp danh) | | | | - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 26 | Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | - Chưa có quy định về lệ phí - Miễn phí khi công bố mẫu con dấu | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 27 | Thông báo sử dụng, thay đổi, huỷ mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | 50.000 đồng, nộp tại thời điểm đề nghị công bố. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 28 | Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | 50.000 đồng, nộp tại thời điểm đề nghị công bố. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|--|---|---|---|
| | ty hợp danh) | | | qua mạng điện tử. | - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 29 | Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | 50.000 đồng, nộp tại thời điểm đề nghị công bố. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 30 | Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | 50.000 đồng, nộp tại thời điểm đề nghị công bố. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 31 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 50.000 đồng, nộp tại thời điểm đề nghị công bố. - Miễn lệ phí đối với | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|--|---|---|---|
| | động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động | | Kiên Giang | trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 32 | Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | 50.000 đồng, nộp tại thời điểm đề nghị công bố. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 33 | Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | 50.000 đồng, nộp tại thời điểm đề nghị công bố. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|--|---|---|---|
| | lý tương đương) | | | | - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 34 | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | 50.000 đồng, nộp tại thời điểm đề nghị công bố. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 35 | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | 50.000 đồng, nộp tại thời điểm đề nghị công bố. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 36 | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không thu phí | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|--|---|--|---|
| | động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) | | Kiên Giang | | - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 37 | Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần) | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN 100.000đ). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 38 | Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN 100.000đ). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 39 | Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận | Trung tâm Phục vụ | - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: | - Luật Doanh nghiệp; |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|--|---|--|---|
| | hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp | đủ hồ sơ hợp lệ. | hành chính công tỉnh Kiên Giang | 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN 100.000đ). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 40 | Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN 100.000đ). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 41 | Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN 100.000đ). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |



| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|--|---|--|---|
| 42 | Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | <ul style="list-style-type: none"> - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN 100.000đ). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 43 | Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | <ul style="list-style-type: none"> - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN 100.000đ). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 44 | Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | <ul style="list-style-type: none"> - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN 100.000đ). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|--|---|--|---|
| | | | | qua mạng điện tử. | - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 45 | Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh) | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN 100.000đ). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 46 | Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh) | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN 100.000đ). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 47 | Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN 100.000đ). - Miễn lệ phí đối với | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|--|---|--|---|
| | | | | trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 48 | Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN 100.000đ). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 49 | Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN 100.000đ). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 50 | Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|--|---|--|---|
| | | | Kiên Giang | 100.000đ). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 51 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN 100.000đ). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 52 | Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN 100.000đ). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |



| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|--|---|---------------|---|
| 53 | Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không thu phí | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 54 | Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không thu phí | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 55 | Thông báo tạm ngừng kinh doanh | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không thu phí | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |



| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|--|---|---------------|---|
| 56 | Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không thu phí | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 57 | Giải thể doanh nghiệp | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không thu phí | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 58 | Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không thu phí | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|--|---|---|---|
| 59 | Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không thu phí | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 60 | Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không thu phí | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 61 | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP. |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|---|---|--|---|---|---|
| | hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương | | | | |
| 62 | Thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) | Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp | Nghị định số 118/2015/NĐ-CP. |
| 63 | Thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài | <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư tương ứng với từng loại thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. - Thời hạn thành lập doanh nghiệp là 03 ngày làm việc, thời hạn thành lập tổ chức kinh tế khác theo quy định tương ứng. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp hoặc pháp luật khác tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế. | <ul style="list-style-type: none"> - Luật đầu tư; - Nghị định 118/20015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT. |
| Mục 2. Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu (5 TTHC) | | | | | |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|---|---|-------------|-----------------------------|
| 1 | Thành lập công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập | <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thành lập công ty TNHH một thành viên, các cơ quan liên quan gửi văn bản tham gia ý kiến đến UBND cấp tỉnh. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, UBND cấp tỉnh lập báo cáo thẩm định, hoàn thiện hồ sơ đề nghị thành lập công ty TNHH một thành viên trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt. - Trường hợp được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án, Chủ tịch UBND cấp tỉnh ra quyết định thành lập công ty TNHH một thành viên trong thời hạn 30 ngày | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | Nghị định số 172/2013/NĐ-CP |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|---|---|-------------|-----------------------------|
| | | làm việc, kể từ ngày Đề án được phê duyệt. | | | |
| 2 | Hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập, hoặc được giao quản lý | Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị hợp nhất, sáp nhập. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | Nghị định số 172/2013/NĐ-CP |
| 3 | Chia, tách công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc được giao quản lý | <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Hồ sơ, các cơ quan liên quan gửi văn bản tham gia ý kiến đến UBND cấp tỉnh. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, UBND cấp tỉnh lập báo cáo thẩm định, hoàn thiện Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương. - Chủ tịch UBND cấp | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | Nghị định số 172/2013/NĐ-CP |



| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|---|---|---|---|---|---|
| | | tính ra quyết định chia, tách công ty TNHH một thành viên trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương. | | | |
| 4 | Tạm ngừng kinh doanh công ty TNHH một thành viên | Theo quy định khi thực hiện thủ tục “Thông báo tạm ngừng kinh doanh”. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Theo quy định khi thực hiện thủ tục “Thông báo tạm ngừng kinh doanh”. | Nghị định số 172/2013/NĐ-CP |
| 5 | Giải thể công ty TNHH một thành viên | Tối đa không quá 30 ngày làm việc, người có thẩm quyền quyết định giải thể công ty thành lập Hội đồng giải thể để thẩm định đề nghị giải thể công ty. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | Nghị định số 172/2013/NĐ-CP |
| Mục 3. Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp xã hội (9 TTHC) | | | | | |
| 1 | Thông báo Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường | Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính | - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|---|---|--|--|
| | | | công tỉnh Kiên Giang | bố thông tin, ĐKDN 100.000đ), nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử | chi tiết một số điều Luật Doanh nghiệp; - Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội theo Nghị định số 96/2015/NĐ-CP. - Thông tư số 47/2019/TT-BTC. |
| 2 | Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường | Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN 100.000đ), nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 96/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT. - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 3 | Thông báo chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường | Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính | Miễn thu phí | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 96/2015/NĐ-CP; |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|----------------------|---|---------------|--|
| | | | công tỉnh Kiên Giang | | - Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT. - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 4 | Thông báo tiếp nhận viện trợ, tài trợ | Không quy định | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 96/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT. - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 5 | Thông báo thay đổi nội dung tiếp nhận viện trợ, tài trợ | Không quy định | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 96/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT. - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 6 | Công khai hoạt động của doanh nghiệp xã hội | Không quy định | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 96/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT. - Thông tư số 47/2019/TT-BTC |
| 7 | Cung cấp thông tin, bản sao Báo cáo đánh giá tác động xã hội và Văn bản tiếp nhận viện trợ, tài trợ | Chưa quy định | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Chưa quy định | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 96/2015/NĐ-CP. |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|---|---|--|---|
| 8 | Chuyển cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành doanh nghiệp xã hội | Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | - 150.000 đồng/lần (Lệ phí ĐKDN: 50.000đ và phí công bố thông tin, ĐKDN 100.000đ), nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử . | - - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 96/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT. - Thông tư số 47/2019/TT-BTC. |
| 9 | Nộp lại con dấu và Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu cho cơ quan công an nơi đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu | Ngay thời điểm tiếp nhận lại con dấu của doanh nghiệp | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | - Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 96/2015/NĐ-CP; |

II. LĨNH VỰC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA (8 TTHC)

Mục 1. Thành lập và hoạt động Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (5 TTHC)

| | | | | | |
|---|--|------------------|------------------------------|-------|--|
| 1 | Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp | 15 ngày làm việc | Trung tâm Phục vụ hành chính | Không | - Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; |
|---|--|------------------|------------------------------|-------|--|

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|----------------------|---|-------------|---|
| | sáng tạo | | công tỉnh Kiên Giang | | - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP. |
| 2 | Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo | 15 ngày làm việc | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | - Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP |
| 3 | Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo | 15 ngày làm việc | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | - Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP. |
| 4 | Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo | 15 ngày làm việc | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | - Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP. |
| 5 | Thông báo chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư | 15 ngày làm việc | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | - Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP. |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|--|--|----------------------|---|-------------|--|
| Mục 2. Thủ tục về đề nghị hỗ trợ tư vấn (3TTHC) | | | | | |
| 1 | Đề nghị hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn | Không quy định | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; - Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/03/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. - Thông tư 06/2019/TT-BKHĐT ngày 29/3/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quy chế tổ chức và hoạt động của mạng lưới tư vấn viên, hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua mạng lưới tư vấn viên. |
| 2 | Đăng ký vào mạng lưới tư vấn viên | 10 ngày | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; - Nghị định số 39/2018/NĐ-CP |
| 3 | Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp | | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; - Nghị định số 39/2018/NĐ-CP |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|--|--|----------------------|---|--|---|
| | | 03 ngày | Kiên Giang | | |
| III. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ (15 TTHC) | | | | | |
| 1 | Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã | 03 ngày | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | -100.000 đồng/lần, - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã. |
| 2 | Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại | 03 ngày | Trung tâm Phục vụ | -100.000 đồng/lần, - Miễn lệ phí đối với | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|----------------------|---|--|---|
| | diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã | | hành chính công tỉnh Kiên Giang | trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT |
| 3 | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã | 03 ngày | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | -100.000 đồng/lần, - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | - Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT. |
| 4 | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã | 03 ngày | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | -100.000 đồng/lần, - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | - Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT. |
| 5 | Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia | 03 ngày | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | -100.000 đồng/lần, - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | - Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT. |



| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|----------------------|---|---|--|
| 6 | Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách | 03 ngày | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | - 100.000 đồng/lần, - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | - Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT. |
| 7 | Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất | 03 ngày | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | - 100.000 đồng/lần, - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | - Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT. |
| 8 | Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập | 03 ngày | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | - 100.000 đồng/lần, - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | - Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT. |
| 9 | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong | 03 ngày | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | - 100.000 đồng/lần, - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | - Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT. |

KIẾN

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|----------------------|---|--|--|
| | trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng) | | | | |
| 10 | Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã | 03 ngày | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | -100.000 đồng/lần, - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | - Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT. |
| 11 | Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã | 03 ngày | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | -100.000 đồng/lần, - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | - Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT. |
| 12 | Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã | 03 ngày | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | -100.000 đồng/lần, - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | - Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT. |
| 13 | Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của | 03 ngày | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | -100.000 đồng/lần, - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | - Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT. |



| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|----------------------|---|---|--|
| | liên hiệp hợp tác xã | | | | |
| 14 | Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã | 03 ngày | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | - 100.000 đồng/lần, - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | - Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT. |
| 15 | Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã | 03 ngày | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | - 100.000 đồng/lần, - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | - Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT. |

IV. LĨNH VỰC: ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM (53 TTHC)

Mục 1. Sở Kế hoạch và Đầu tư (27 TTHC)

| | | | | | |
|---|---|---|---|-------|---|
| 1 | Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) | <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ |
|---|---|---|---|-------|---|

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------------------|--|--------------------|-------------|--|
| | | <p>sơ dự án đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định. Cơ quan quản lý về đất đai chịu trách nhiệm cung cấp trích lục bản đồ; cơ quan quản lý về quy hoạch cung cấp thông tin quy hoạch để làm cơ sở thẩm định trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p> <p>- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.</p> | | | Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|--|---|-------------|---|
| | | - Đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật Đầu tư phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT, Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư. | | | |
| 2 | Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) | - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan. - Trong thời hạn 15 ngày | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT. |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------------------|---|--------------------|-------------|----------------|
| | | <p>kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p> <p>- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Sở kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, có ý kiến thẩm định về hồ sơ dự án đầu tư và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định hồ sơ dự án đầu tư và lập báo cáo thẩm định.</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày</p> | | | |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|--|---|-------------|---|
| | | làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư. | | | |
| 3 | Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) | Theo Chương trình và kỳ họp của Quốc hội | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT. |
| 4 | Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) | - Đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh; + Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh; | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT. |



| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------------------|---|--------------------|-------------|----------------|
| | | <p>+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh thuộc phạm vi quản lý của mình;</p> <p>+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của cơ quan liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình Ủy ban nhân dân tỉnh;</p> <p>+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư và gửi cho Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p> | | | |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------------------|---|--------------------|-------------|----------------|
| | | <p>- Đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời gửi hồ sơ cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan để lấy ý kiến về các nội dung điều chỉnh;</p> <p>+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình;</p> <p>+ Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ</p> | | | |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------------------|---|--------------------|-------------|----------------|
| | | <p>sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về những nội dung điều chỉnh;</p> <p>+ Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Điểm d Khoản này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư;</p> <p>+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. Văn bản quyết định</p> | | | |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|---|---|-------------|---|
| | | điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư. | | | |
| 5 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT. |
| 6 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư | 1. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT. |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------------------|--|--------------------|-------------|----------------|
| | | <p>sơ dự án đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định.</p> <p>- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư. Đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật Đầu tư phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT, Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết</p> | | | |



| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------------------|--|--------------------|-------------|----------------|
| | | <p>định chủ trương đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p> <p>- Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư.</p> <p>2. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ</p> <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan</p> | | | |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------------------|---|--------------------|-------------|----------------|
| | | <p>nhà nước có liên quan.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p> <p>- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Sở kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, có ý kiến thẩm định về hồ sơ dự án đầu tư và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định hồ sơ dự án đầu tư và lập</p> | | | |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|--|--------------------|-------------|----------------|
| | | <p>báo cáo thẩm định.</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.</p> <p>- Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư.</p> <p>3. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội</p> <p>Theo Chương trình và kỳ họp của Quốc hội</p> | | | |
| 7 | Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận | Trung tâm Phục vụ | Không | - Luật Đầu tư; |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|--|---|-------------|---|
| | nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | được văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. | hành chính công tỉnh Kiên Giang | | - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT. |
| 8 | Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư) | Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT. |
| 9 | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT. |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------------------|---|--------------------|-------------|----------------|
| | | <p>chính thuộc phạm vi quản lý của mình.</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của cơ quan nêu trên, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định về các nội dung điều chỉnh.</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>- Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> | | | |



| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|--|---|-------------|---|
| 10 | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ | <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh thuộc phạm vi quản lý của mình. - Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về những nội | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT. |

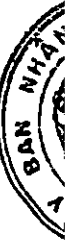
| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------------------|---|--------------------|-------------|----------------|
| | | <p>dung điều chỉnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu | | | |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|----------------------------|--|---|-------------|--|
| | | tư cho nhà đầu tư. | | | |
| 11 | Chuyển nhượng dự án đầu tư | <p>* Đối với dự án thuộc một trong các trường hợp: (i) dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư, (ii) dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư mà nhà đầu tư đã hoàn thành việc góp vốn, huy động vốn và đưa dự án vào khai thác, vận hành:</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư để điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | <p>- Luật Đầu tư;</p> <p>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.</p> |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------------------|---|--------------------|-------------|----------------|
| | | <p>* Đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lấy ý kiến thẩm định về điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan được gửi hồ sơ có ý kiến về điều kiện chuyển nhượng thuộc phạm vi quản lý của mình. - Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư | | | |

XIÊN

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------------------|--|--------------------|-------------|----------------|
| | | <p>trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nếu có).</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định về điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư.</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>- Đối với dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ</p> | | | |



| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------------------|--|--------------------|-------------|----------------|
| | | <p>trương đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư.</p> <p>* Đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lấy ý kiến thẩm định về điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan được gửi hồ sơ xin ý kiến có ý kiến về điều | | | |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------------------|--|--------------------|-------------|----------------|
| | | <p>kiện chuyển nhượng thuộc phạm vi quản lý của mình;</p> <p>- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo về việc đáp ứng điều kiện chuyển nhượng dự án trình Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư;</p> <p>- Đối với dự án không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho nhà đầu tư.</p> <p>+ Đối với dự án được cấp</p> | | | |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|---|---|-------------|---|
| | | Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư. | | | |
| 12 | Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT. |
| 13 | Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT. |
| 14 | Cấp lại Giấy chứng | Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được đề | Trung tâm Phục vụ | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|--|---|-------------|---|
| | nhận đăng ký đầu tư | ng nghị của nhà đầu tư đối với cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. | hành chính công tỉnh Kiên Giang | | - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT. |
| 15 | Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của nhà đầu tư. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT. |
| 16 | Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | Ngay khi nhà đầu tư nộp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | Nghị định số 118/2015/NĐ-CP. |
| 17 | Giãn tiến độ đầu tư | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề xuất của nhà đầu tư. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | - Luật Đầu tư; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT. |
| 18 | Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư | Ngay khi tiếp nhận thông báo. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | - Luật Đầu tư; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT. |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|---|---|-------------|---|
| 19 | Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư | Ngay khi tiếp nhận hồ sơ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT |
| 20 | Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | - Luật Đầu tư; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT. |
| 21 | Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | - Luật Đầu tư; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT. |
| 22 | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT. |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|--|---|-------------|---|
| 23 | Cung cấp thông tin về dự án đầu tư | Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | Nghị định số 118/2015/NĐ-CP. |
| 24 | Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư | Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (trừ trường hợp vượt thẩm quyền của Sở Kế hoạch và Đầu tư). | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; |
| 25 | Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT. |
| 26 | Áp dụng ưu đãi đầu tư | Theo thời hạn giải quyết của từng cơ quan áp dụng ưu đãi đầu tư đối với từng loại ưu đãi đầu tư. | Cơ quan thuế, cơ quan tài chính, cơ quan hải quan, cơ quan nhà nước có thẩm quyền | Không | - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Pháp luật về công nghệ cao và pháp luật về khoa học công nghệ; - Pháp luật về thuế, hải quan, đất đai. |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|--|---|--|--|---|---|
| | | | áp dụng ưu đãi về đất đai và ưu đãi khác theo quy định của pháp luật cấp tỉnh. | | |
| 27 | Cung cấp thông tin về dự án đầu tư | Trong thời gian 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Theo từng nội dung thông tin được cung cấp. | Nghị định số 118/2015/NĐ-CP. |
| Mục 2. Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế (Sau đây gọi tắt là Ban Quản lý) (26 TTHC) | | | | | |
| 1 | Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến | Ban Quản lý Khu kinh tế | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT. |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|--|---|-------------|---|
| | | thẩm định. Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư. | | | |
| 2 | Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) | - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý gửi hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ | Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư Ban Quản lý | Không | - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT. |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------------------|--|--------------------|-------------|----------------|
| | | <p>sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước, gửi Ban Quản lý và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p> <p>- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến thẩm định về hồ sơ dự án đầu tư và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định hồ sơ dự án đầu tư và lập báo cáo thẩm định.</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận</p> | | | |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|--|---|-------------|---|
| | | được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư. | | | |
| 3 | Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) | Theo Chương trình và kỳ họp của Quốc hội | Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư Ban Quản lý | Không | - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT. |
| 4 | Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) | - Đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh; + Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung | Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư Ban Quản lý | Không | - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT. |



| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------------------|---|--------------------|-------------|----------------|
| | | <p>điều chỉnh;</p> <p>+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh thuộc phạm vi quản lý của mình;</p> <p>+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của cơ quan liên quan, Ban Quản lý lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;</p> <p>+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Ban Quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư và gửi cho</p> | | | |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------------------|---|--------------------|-------------|----------------|
| | | <p>Ban Quản lý.</p> <p>- Đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời gửi hồ sơ cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan để lấy ý kiến về các nội dung điều chỉnh;</p> <p>+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình;</p> <p>+ Trong thời hạn 20 ngày</p> | | | |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------------------|--|--------------------|-------------|----------------|
| | | <p>kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về những nội dung điều chỉnh;</p> <p>+ Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại Điểm d Khoản này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư;</p> <p>+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> | | | |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|---|---|-------------|---|
| | | Văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ban Quản lý. | | | |
| 5 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Ban Quản lý | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT. |
| 6 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư | 1. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của | Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư. Ban Quản lý | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT. |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------------------|--|--------------------|-------------|----------------|
| | | <p>cơ quan nhà nước.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định.</p> <p>- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư. Đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật Đầu tư phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt</p> | | | |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------------------|---|--------------------|-------------|----------------|
| | | <p>thực hiện ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Ban Quản lý.</p> <p>- Ban Quản lý cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư.</p> <p>2. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ</p> <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý gửi hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu</p> | | | |



| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------------------|--|--------------------|-------------|----------------|
| | | <p>tư và gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước, gửi Ban Quản lý và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p> <p>- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến thẩm định về hồ sơ dự án đầu tư và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức</p> | | | |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------------------|--|--------------------|-------------|----------------|
| | | <p>thẩm định hồ sơ dự án đầu tư và lập báo cáo thẩm định.</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.</p> <p>- Ban Quản lý cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư.</p> <p>3. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội</p> <p>Theo Chương trình và kỳ họp của Quốc hội</p> | | | |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|--|--|-------------|---|
| 7 | Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. | Ban Quản lý | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT. |
| 8 | Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư) | Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Ban Quản lý | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT. |
| 9 | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận | UBND cấp tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư Ban Quản lý | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT. |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------------------|---|--------------------|-------------|----------------|
| | | <p>được đề nghị của Ban Quản lý, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh thuộc phạm vi quản lý của mình.</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của cơ quan nêu trên, Ban Quản lý lập báo cáo thẩm định về các nội dung điều chỉnh.</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Ban Quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>- Ban Quản lý điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định</p> | | | |



| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|--|---|-------------|--|
| | | điều chỉnh chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. | | | |
| 10 | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ | <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh thuộc phạm vi quản lý của mình.</p> <p>- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý</p> | <p>Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư</p> <p>Ban Quản lý</p> | Không | <p>- Luật Đầu tư;</p> <p>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.</p> |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------------------|--|--------------------|-------------|----------------|
| | | <p>trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về những nội dung điều chỉnh.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định</p> | | | |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|----------------------------|---|--------------------|-------------|--|
| | | điều chỉnh chủ trương đầu tư, Ban Quản lý điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư. | | | |
| 11 | Chuyển nhượng dự án đầu tư | <p>* Đối với dự án thuộc một trong các trường hợp: (i) dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư, (ii) dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư mà nhà đầu tư đã hoàn thành việc góp vốn, huy động vốn và đưa dự án vào khai thác, vận hành:</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý xem xét điều kiện chuyển nhượng dự</p> | Ban Quản lý | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------------------|---|--------------------|-------------|----------------|
| | | <p>án đầu tư để điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư</p> <p>* Đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ:</p> <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lấy ý kiến thẩm định về điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý, các cơ quan được gửi hồ sơ có ý kiến về điều kiện chuyển nhượng thuộc phạm vi quản lý của mình.</p> <p>- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ</p> | | | |



| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------------------|---|--------------------|-------------|----------------|
| | | <p>sơ hợp lệ theo quy định, Ban Quản lý trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nếu có).</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định về điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư.</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>- Đối với dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết</p> | | | |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------------------|---|--------------------|-------------|----------------|
| | | <p>định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Ban Quản lý điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư.</p> <p>* Đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lấy ý kiến thẩm định về điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý, các cơ quan được gửi hồ sơ xin ý kiến có ý kiến về điều kiện chuyển nhượng thuộc | | | |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------------------|---|--------------------|-------------|----------------|
| | | <p>phạm vi quản lý của mình;</p> <p>- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý lập báo cáo về việc đáp ứng điều kiện chuyển nhượng dự án trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Ban Quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư;</p> <p>- Đối với dự án không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho nhà đầu tư.</p> <p>+ Đối với dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Trong thời hạn 03</p> | | | |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|---|--------------------|-------------|--|
| | | ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Ban Quản lý điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư. | | | |
| 12 | Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Ban Quản lý | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT |
| 13 | Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Ban Quản lý | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT |
| 14 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của nhà đầu tư đối | Ban Quản lý | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|--|--------------------|-------------|--|
| | | với cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | | | - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT |
| 15 | Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của nhà đầu tư | Ban Quản lý | Không | - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT |
| 16 | Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | Ngay khi nhà đầu tư nộp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | Ban Quản lý | Không | - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT |
| 17 | Giãn tiến độ đầu tư | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề xuất của nhà đầu tư | Ban Quản lý | Không | - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT |
| 18 | Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư | Ngay khi tiếp nhận thông báo | Ban Quản lý | Không | - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT |
| | Chấm dứt hoạt động | Ngay khi tiếp nhận hồ sơ | | Không | - Luật Đầu tư; |



| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|--|--------------------|-------------|--|
| 19 | của dự án đầu tư | | Ban Quản lý | | - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT |
| 20 | Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ | Ban Quản lý; | Không | - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT |
| 21 | Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Ban Quản lý | Không | - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT |
| 22 | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ | Ban Quản lý | Không | - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT |
| 23 | Cung cấp thông tin về | Trong thời gian 5 ngày làm việc kể từ khi nhận | Ban Quản lý | Không | - Luật Đầu tư; |



| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|---|--------------------|-------------|---|
| | dự án đầu tư | được văn bản đề nghị | | | - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT |
| 24 | Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư | Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Ban Quản lý | Không | - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT |
| 25 | Quyết định chủ trương đầu tư của Ban quản lý | <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có liên quan.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình và gửi Ban Quản lý.</p> <p>- Trong thời hạn 25 ngày</p> | Ban Quản lý | Không | <p>- Luật Đầu tư;</p> <p>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</p> |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|--|--------------------|-------------|--|
| | | đối với dự án quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 32 Luật đầu tư và trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan có liên quan đối với dự án quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật đầu tư, Ban Quản lý xem xét, quyết định chủ trương đầu tư. | | | |
| 26 | Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ban quản lý | <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh. - Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý, các cơ quan được xin ý kiến có ý kiến | Ban Quản lý | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|---|---|---|---|-------------|---|
| | | <p>về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình.</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định, Ban Quản lý xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư</p> | | | |
| V. LĨNH VỰC ĐẦU THẦU (LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ) (3 TTHC) | | | | | |
| 1 | Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án do nhà đầu tư đề xuất | <p>- Đối với dự án nhóm A: Tối đa 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</p> <p>- Đối với dự án nhóm B: Tối đa 30 ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không có | <p>- Luật Đầu tư công;</p> <p>- Nghị định số 63/2018/NĐ-CP.</p> |
| 2 | Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án do nhà đầu tư đề xuất | <p>- Đối với dự án quan trọng quốc gia: Không quá 90 ngày;</p> <p>- Đối với dự án nhóm A: Không quá 40 ngày;</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không có | <p>- Luật Đầu tư công;</p> <p>- Nghị định số 63/2018/NĐ-CP.</p> |

K. a. \ 10/10/2018

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|---|---|-------------|--|
| | | - Đối với dự án nhóm B, nhóm C: Không quá 30 ngày. | | | |
| 3 | Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do nhà đầu tư đề xuất | <ul style="list-style-type: none"> - Đối với dự án quan trọng quốc gia: Không quá 90 ngày; - Đối với dự án nhóm A: Không quá 40 ngày; - Đối với dự án nhóm B, nhóm C: Không quá 30 ngày. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không có | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư công; - Nghị định số 63/2018/NĐ-CP. |

VI. VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA) VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI VÀ VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI

Mục 1. Nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài

| | | | | | |
|---|---|--|---|-------|--|
| 1 | Tiếp nhận dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) | Thời hạn thẩm định không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 93/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2010/TT-BKH. |
| 2 | Tiếp nhận dự án đầu tư | Thời hạn thẩm định | Trung tâm | Không | - Nghị định số 93/2009/NĐ-CP; |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|--|---|-------------|--|
| | sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) | không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | | - Thông tư số 07/2010/TT-BKH. |
| 3 | Tiếp nhận chương trình sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) | Thời hạn thẩm định không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | - Nghị định số 93/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2010/TT-BKH. |
| 4 | Tiếp nhận nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) dưới hình thức phi dự án | Thời hạn thẩm định không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | - Nghị định số 93/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2010/TT-BKH. |

Mục 2. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài

| | | | | | |
|---|---|---|---|-------|--|
| 1 | Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản | Theo quy định của Chính phủ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | - Luật Đầu tư công; - Nghị định số 56/2020/NĐ-CP. |
| 2 | Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương tiếp | Thời gian xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ về | Trung tâm Phục vụ | Không | - Luật Đầu tư công; |



| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|---|---|-------------|--|
| | nhận khoản hỗ trợ ngân sách chung do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản. | Đề xuất chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách chung kể từ ngày Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận đủ hồ sơ hợp lệ là không quá 45 ngày. | hành chính công tỉnh Kiên Giang | | - Nghị định số 56/2020/NĐ-CP. |
| 3 | Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách có mục tiêu | Thời gian xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ về Đề xuất chương trình, dự án kể từ ngày Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận đủ hồ sơ hợp lệ: không quá 45 ngày. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | - Luật Đầu tư công; - Nghị định số 56/2020/NĐ-CP. |
| 4 | Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản. | Theo quy định của Chính phủ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | - Luật Đầu tư công 2014; - Nghị định số 16/2016/NĐ-CP; Nghị định số 132/2018/NĐ-CP; |
| 5 | Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không | Không quá 20 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không | - Luật Đầu tư công 2014; - Nghị định số 16/2016/NĐ-CP; Nghị định số 132/2018/NĐ-CP; |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|--|---|---|---|-------------|--|
| | hoàn lại. | | Kiên Giang | | |
| 6 | Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng | Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký kết điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | - Luật Đầu tư công 2014; -Nghị định số 16/2016/NĐ-CP; Nghị định số 132/2018/NĐ-CP; |
| 7 | Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hằng năm. | Không quy định | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không | - Luật Đầu tư công 2014; -Nghị định số 16/2016/NĐ-CP; Nghị định số 132/2018/NĐ-CP; |
| VII. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN | | | | | |
| 1 | Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ. | <ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp sử dụng ngân sách địa phương: 18 ngày làm việc. - Đối với trường hợp sử dụng ngân sách trung ương hỗ trợ: 30 ngày làm việc. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | Không có | Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn (Nghị định số 57/2018/NĐ-CP). |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|---|---|-------------|-------------------------------|
| 2 | Nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư hoặc toàn bộ dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ. | Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của doanh nghiệp. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang | | - Nghị định số 57/2018/NĐ-CP. |
| 3 | Giải ngân khoản vốn hỗ trợ cho doanh nghiệp | Trong thời hạn 05 ngày làm việc Kho bạc Nhà nước tỉnh giải ngân khoản vốn hỗ trợ theo đề nghị của doanh nghiệp. | Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh. | | - Nghị định số 57/2018/NĐ-CP. |

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----------|---|---|---|----------------------|---|
| I | LĨNH VỰC: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH | | | | |
| 1 | Đăng ký thành lập hộ kinh doanh | <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc UBND huyện phải thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản cho người thành lập hộ kinh doanh. - Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện | 100.000 đồng/lần cấp | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT. - Nghị quyết số 124/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. |
| 2 | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh | <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên hộ kinh doanh yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định, Bộ phận tiếp nhận | Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện | 100.000 đồng/lần cấp | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; |

KIẾN

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|-----------------------------------|---|---|-------------|---|
| | | <p>hồ sơ và trả kết quả thuộc UBND huyện thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản cho hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Nếu hộ kinh doanh chuyển địa chỉ sang quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh khác nơi hộ kinh doanh đã đăng ký thì thời hạn là 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> | | | <p>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.</p> <p>- Nghị quyết số 124/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.</p> |
| 3 | Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh | Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện | Không | <p>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13;</p> <p>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP;</p> |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|---|---|----------------------|---|
| | | | | | - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT. |
| 4 | Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh | Không có | Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện | Không | - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT. |
| 5 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh | <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. - Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp không đúng hồ sơ, trình tự, thủ tục theo quy định, Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc UBND huyện gửi thông báo yêu cầu hộ kinh | Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện | 100.000 đồng/lần cấp | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT. - Nghị quyết số 124/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|--|------------------------------|--|---|---|---|
| | | doanh hoàn chỉnh và nộp hồ sơ hợp lệ theo quy định trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo để được xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc UBND huyện thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của hộ kinh doanh. | | | lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. |
| II LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ | | | | | |
| 11 | Đăng ký thành lập hợp tác xã | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện | <ul style="list-style-type: none"> - 100.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|--|---|---|--|
| | | | | | - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT. |
| 22 | Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện | - Lệ phí Đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng | - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 124/2018/NQ-HĐND |
| 33 | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện | - Lệ phí Đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng | - Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|--|---|---|--|
| | | | | | 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT. |
| 44 | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện | - Lệ phí Đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng | - Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT. |
| 55 | Đăng ký khi hợp tác xã chia | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện | - Lệ phí Đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng | - Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT- |



| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---------------------------------|--|---|---|--|
| | | | | | BKHĐT. |
| 66 | Đăng ký khi hợp tác xã tách | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện | - Lệ phí Đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng | - Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT. |
| 77 | Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện | - Lệ phí Đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng | - Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT. |
| 88 | Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận | Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp | - Lệ phí Đăng ký doanh nghiệp: | - Luật Hợp tác xã; - Nghị định số |



| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|--|---|---|--|
| | | đủ hồ sơ hợp lệ | huyện | 100.000 đồng | 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT. |
| 99 | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng) | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện | - Lệ phí Đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng | - Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT. |
| 10 | Giải thể tự nguyện hợp tác xã | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện | Không | - Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|--|---|---|--|
| | | | | | - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT. |
| 11 | Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện | - Lệ phí Đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng | - Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT. |
| 12 | Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện | - Lệ phí Đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng | - Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT. |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|--|---|---|--|
| 13 | Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT. |
| 14 | Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT. |
| 15 | Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện | - Lệ phí Đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời gian giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|-------------------------------------|--|---|---|--|
| | | | | | 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT. |
| 16 | Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện | - Lệ phí Đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng | - Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT. |

